

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số
và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 01/TTr-STTTT ngày 04/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *MS*

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, XDCB, VX, KTTH;
- Lưu: VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Tuấn

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước,
phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023**

(Kèm theo Quyết định số 08 /QĐ-UBND

ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ : Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/04/2020 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị;
- Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;
- Văn bản số 2304/BTTTT-THH ngày 29/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt đề án xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030;
- Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 04/6/2020 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017 của HĐND tỉnh;
- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ;
- Kế hoạch hành động số 313/KH-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;
- Hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; nâng cao chất lượng cung cấp và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Xây dựng và phát triển hạ tầng số làm nền tảng cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực.

Cải thiện điểm số, duy trì và nâng cao vị trí xếp hạng của tỉnh Bắc Ninh về các chỉ số liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.
- b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.
- c) 98% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 95% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 95% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);
- d) 70% cuộc họp cấp tỉnh, 40% cuộc họp cấp huyện thực hiện thông qua hội nghị truyền hình trực tuyến;
- đ) Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính;
- e) Tỷ lệ tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của người dân trên thiết bị di động của các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã đạt 85%;
- f) Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện đạt 100%;
- g) Duy trì chỉ số DTI trong nhóm đầu các địa phương đứng đầu của cả nước.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đã được tỉnh ban hành trong thời gian vừa qua.

- Kịp thời hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và thành phố thông minh đáp ứng đặc thù tốc

độ thay đổi nhanh chóng của lĩnh vực công nghệ thông tin.

- Tiếp tục duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0 và Kiến trúc ICT Đô thị thông minh tỉnh Bắc Ninh, đồng thời cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có) đảm bảo phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin của các ngành và địa phương; đầu tư, nâng cấp, thay thế các trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi đã lạc hậu, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu công việc đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả, kết nối đồng bộ giữa các thiết bị.

- Triển khai sử dụng nền tảng Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); nền tảng Trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc thuê dịch vụ của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định; tiếp tục từng bước thực hiện chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị về Trung tâm tích hợp dữ liệu thành phố thông minh đảm bảo tiết kiệm, kết nối đồng bộ giữa các thiết bị, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Đẩy mạnh việc triển khai, kết nối sử dụng hệ thống mạng WAN nội tỉnh tốc độ cao trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Ninh. Kết nối hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến giữa khối chính quyền và khối Đảng vận hành trên đường truyền tốc độ cao bảo đảm chất lượng về hình ảnh, âm thanh tại các điểm cầu các Sở, ban, ngành, cấp huyện và liên thông với hệ thống hội nghị trực tuyến của Chính phủ phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số; các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý vận hành, hình thành dữ liệu quản lý của các ngành, kho dữ liệu của tỉnh.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng và phát triển dữ liệu

- Tiếp tục triển khai tích hợp các ứng dụng công nghệ thông tin của các ngành với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP) và kết nối với Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở trung ương và địa phương (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo định hướng tại Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của HĐND tỉnh, nội dung tại Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 08/6/2022; triển

khai ứng dụng các nền tảng số trên địa bàn tỉnh do Bộ chuyên ngành, cơ quan ngành dọc cấp trên phát triển; tích hợp các CSDL chuyên ngành của tỉnh, kết nối, chia sẻ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia để hình thành Kho Dữ liệu dùng chung của tỉnh; triển khai cung cấp dữ liệu mở theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “*Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*”.

- Triển khai tích hợp các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị theo cơ chế mỗi người dùng chỉ có 01 tài khoản duy nhất và chỉ phải đăng nhập 01 lần để sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo phân cấp, phân quyền đảm bảo tính thống nhất.

4. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

4.1. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Xây dựng các hệ thống thông tin tổng thể của ngành đảm bảo bao quát các nghiệp vụ quản lý của ngành trên địa bàn tỉnh, không đầu tư từng phần mềm riêng lẻ, gây manh mún, khó tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Có thể thí điểm, thử nghiệm hoặc triển khai với quy mô nhỏ trước, ở một số lĩnh vực trước để có giải pháp tổng thể, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu, thống nhất với Trung ương, địa phương và không chồng chéo.

- Tiếp tục chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; thực hiện số hóa hồ sơ, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định;

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả thủ tục tại các trung tâm hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện, tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục, tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin phục vụ công việc.

- Tăng cường sử dụng hệ thống phản ánh hiện trường tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh để kịp thời nắm bắt, giải quyết những vấn đề về trật tự đô thị, môi trường,... của người dân.

4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử, cổng

thông tin điện tử, ứng dụng chữ ký số,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng, hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng và gửi công văn bằng văn bản giấy, tiến tới sử dụng trao đổi công việc giữa các cơ quan nhà nước hoàn toàn bằng văn bản điện tử.

- Triển khai ứng dụng phần mềm “hộp không giấy tờ” tại các phiên họp thường kỳ của cấp tỉnh, cấp huyện tích hợp với hệ thống quản lý văn bản và điều hành giúp tiết kiệm thời gian và chi phí in ấn tài liệu trong tổ chức cuộc họp.

- Xây dựng các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị góp phần xây dựng một nền hành chính hiện đại, mang tính phục vụ cao, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để báo cáo các chỉ tiêu và các báo cáo khác theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

5. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì, hoàn thiện hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng theo mô hình 4 lớp, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và phòng, chống các cuộc tấn công mạng nhằm ngăn chặn tình trạng lây lan, phát tán virus, phần mềm độc hại, để có biện pháp chủ động xử lý, đối phó.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về an toàn thông tin trong sử dụng các phần mềm, sử dụng thiết bị di động thông minh cho cán bộ, công chức, viên chức. Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin tham gia các khóa đào tạo, tập huấn được tổ chức trong, ngoài tỉnh, các khóa đào tạo

của các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn tỉnh.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng;

6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các cấp về chuyển đổi số; đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa; triển khai có hiệu quả các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tổ chức giáo dục kiến thức, kỹ năng số trong các cơ sở giáo dục các cấp; tổ chức đào tạo, phát triển kỹ năng số cho người dân và người lao động trong các doanh nghiệp.

- Đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tham gia vận hành Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng xã hội,... nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Đưa nội dung đào tạo về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số vào chương trình đào tạo của các trường, cơ sở đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng; chính sách khuyến khích hỗ trợ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm công nghệ do các doanh nghiệp trong nước sản xuất. Ưu tiên đầu tư, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước theo hình thức thuê dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp.

- Phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, thí điểm ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, chuỗi khối... để xây dựng Chính quyền điện tử/ Chính quyền số, mô hình thành phố thông minh nhằm tạo ra các kết quả mới, có tính đột phá.

- Cử cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin có trình độ chuyên môn đi đào tạo chuyên sâu về quản trị, vận hành các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh để từng bước làm chủ công nghệ.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Có chế độ, chính sách ưu đãi đối với nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao, có trình độ, có kỹ năng về làm việc trong các cơ quan nhà nước.

- Nghiên cứu có cơ chế thu hút các trường Đại học có khoa công nghệ thông tin lựa chọn đặt cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường hợp tác

- Tăng cường sự hỗ trợ của Bộ, ngành Trung ương trong việc triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và thành phố thông minh.

- Tranh thủ ký kết thỏa thuận hợp tác, sử dụng nguồn lực của các Tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh Bắc Ninh.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các trường đại học, các cơ sở đào tạo lớn có uy tín về công nghệ thông tin.

V. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023 gồm 12 dự án, nhiệm vụ với tổng kinh phí thực hiện là 67,1 tỷ đồng (*Sáu mươi bảy tỷ, một trăm triệu đồng*) gồm 12 nhiệm vụ, dự án, trong đó:

- 08 nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp: 49,4 tỷ đồng;
- 04 dự án đề xuất mới năm 2023: 17,7 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục dự án, nhiệm vụ và kinh phí thực hiện theo Phụ lục kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai kế hoạch này; thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và báo cáo đánh giá việc

thực hiện kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh với UBND tỉnh theo quy định;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính bảo đảm các dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai đúng trình tự, thủ tục của Pháp luật;

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin cho các cán bộ công chức theo chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện lồng ghép đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan nhà nước về xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số; xem xét, đưa kết quả đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị vào các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng hàng năm;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ thông tin cho các cán bộ công chức theo chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan

- Chủ trì thực hiện các dự án, nhiệm vụ nêu trong danh mục tại Phụ lục, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo đúng trình tự thủ tục, đúng các quy định hiện hành;

- Tăng cường sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin hiện có, nhất là các phần mềm dùng chung để nâng cao hiệu quả công việc; đẩy mạnh việc dùng chung đối với cơ sở hạ tầng và các ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường thực hiện việc chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp theo quy định; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo đúng lộ trình;

- Nghiên cứu, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ thông tin triển khai thử nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (không sử dụng ngân sách nhà nước); từ đó, đánh giá sự phù hợp, tính khả thi, hiệu quả làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực đồng thời bảo đảm hiệu quả, thực chất;

- Báo cáo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất việc thực hiện kế hoạch này theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đánh giá kết quả báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, yêu cầu các cơ quan liên quan kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Quo

Vương Quốc Tuấn

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2023
 (Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	TMĐT/ Khái toán	Kế hoạch vốn năm 2023
	TỔNG CỘNG			97.3	67.1
1	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022-2023	13.0	13.0
2	Xây dựng hệ thống quản lý người dùng các phần mềm dùng chung của tỉnh, các công cụ tiện ích	Trung tâm CNTT&TT thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2023	12.0	8.6
3	Triển khai đầu tư bổ sung một số hệ thống, thiết bị và phần mềm phục vụ công tác giám sát, kiểm soát đối với các hệ thống tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh		2022-2023	9.0	8.0
4	Xây dựng phần mềm tổ chức cuộc họp không giấy tờ tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh		2022-2023	5.0	4.0
5	Tái cấu trúc hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối các cơ quan		2022-2023	7.5	6.0
6	Cơ sở dữ liệu về giá tại tỉnh Bắc Ninh	Sở Tài chính	2022-2023	2.8	2.8
7	Nâng cấp phần mềm quản lý kế hoạch thanh tra và theo dõi đơn đốc sau thanh tra	Thanh tra tỉnh	2022-2023	1.0	1.0

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian triển khai	TMĐT/ Khái toán	Kế hoạch vốn năm 2023
8	Ứng dụng phát triển công nghệ thông tin trong Công an tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	2022-2023	14.8	6.0
9	Thuê dịch vụ giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	2023-2025	15.0	5.0
10	Xây dựng ứng dụng di động Bắc Ninh với doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	2023	4.0	4.0
11	Hệ thống thông tin trong các Khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN	2023-2024	9.5	5.0
12	Dịch vụ đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống CNTT của các Sở, ngành	Các Sở, ngành	2023	3.7	3.7